

BÀI 1

LỊCH SỬ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Phần I

SỰ RA ĐỜI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

I. NGÂN HÀNG PHỤC VỤ NGƯỜI NGHÈO - TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI (1995-2002)

1. Những nhân tố hình thành Ngân hàng Phục vụ người nghèo

a) Xuất phát từ *chủ trương của Đảng, Nhà nước về chính sách xóa đói giảm nghèo*: Thời điểm năm 1993, Việt Nam có khoảng 58,1% số hộ nghèo. Nhận thức được thực trạng nghèo đói của người dân và những mối nguy cơ của nó đối với sức khỏe tinh thần và thể chất của nhân dân cũng như hệ lụy đối với sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, Đảng ta chủ trương có chế độ tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, vùng nghèo, dân tộc thiểu số..., mở rộng hình thức cho vay thông qua tín chấp đối với các hộ nghèo. Chủ trương được thực hiện bằng cam kết mục tiêu xóa đói giảm nghèo tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội tại Copenhagen (Đan Mạch) tháng 3 năm 1995.

b) *Do những đổi mới trong hệ thống ngân hàng*: Ngày 23/5/1990, Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh số 37-LCT/ HĐNN8 về Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam và Pháp lệnh số 38-LCT/HĐNN8 về Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính (gọi tắt tổ chức tín dụng). Pháp lệnh này giải thích cụ thể loại hình tổ chức tín dụng, tách hệ thống Ngân hàng thành hai cấp riêng biệt: NHNN chỉ làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiền tệ và tín dụng, còn các ngân hàng chuyên doanh chuyển sang thực hiện hạch toán kinh tế độc lập.

c) *Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo thiếu vốn sản xuất - Nền tảng cơ bản cho việc thành lập Ngân hàng Phục vụ người nghèo*

Ngày 16/3/1995, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam ký Văn bản thỏa thuận về việc thiết lập Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo thiếu vốn sản xuất ở nông thôn. Ngày 17/3/1995, Thống đốc NHNN ban hành Quyết định số 74/QĐ-NH14 chấp thuận Đề án lập “*Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo thiếu vốn sản xuất*”. Vốn ban đầu của Quỹ là 400 tỷ đồng, trong đó vốn của Ngân hàng Nông nghiệp góp 100 tỷ đồng, Ngân hàng Ngoại thương cho vay 200 tỷ đồng, Ngân hàng Nhà nước cho vay theo mục tiêu chỉ định 100 tỷ đồng.

Quỹ Cho vay ưu đãi hộ nghèo được thành lập không vì mục đích kinh doanh mà lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm mục tiêu duy nhất. Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo được giao cho Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam quản lý và tổ chức cho vay, nhằm tận dụng bộ máy và cơ sở vật chất của hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam. Hộ được vay vốn của Quỹ là hộ nghèo thiếu vốn sản xuất (có giá trị thu nhập tương đương dưới 15kg gạo/người/tháng), có hộ khẩu thường trú

tại địa phương, tự nguyện tham gia vào tổ tương trợ vay vốn tại xã.

Lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất cho vay tại các Ngân hàng thương mại là 1,2%/tháng (14,4%/năm), ổn định trong 3 năm. Mức cho vay tối đa không quá 2,5 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay phù hợp với chu kỳ sản xuất của cây trồng, vật nuôi nhưng tối đa không quá 36 tháng.

2. Sự ra đời Ngân hàng Phục vụ người nghèo

a) Quá trình thành lập Ngân hàng Phục vụ người nghèo

Do nguồn vốn của Quỹ Cho vay ưu đãi hộ nghèo quá nhỏ trong khi số hộ nghèo cần vay vốn lên tới gần 4 triệu hộ, nhu cầu vốn vay cao, Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam đề xuất và được Thống đốc NHNN đồng ý trình Chính phủ về sự cần thiết có một tổ chức tín dụng của Nhà nước để hỗ trợ các hộ nghèo thiếu vốn sản xuất. Ngày 31/8/1995, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 525-TTg cho phép thành lập Ngân hàng Phục vụ người nghèo (NHNg); sau đó một ngày, Thống đốc NHNN Việt Nam ban hành Quyết định số 230/QĐ-NH5 về việc thành lập NHNg với tên giao dịch quốc tế là Viet Nam Bank for the Poor (tên viết tắt tiếng Anh là VBP); biểu trưng Logo là hình búp sen và cách điệu hai chữ cái đầu “NN” của hai từ Người nghèo. Ngày 27/12/1995, NHNg tổ chức khai trương, chính thức đi vào hoạt động.

b) Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Phục vụ người nghèo

Hoạt động của NHNg vì mục tiêu xóa đói giảm nghèo, không vì mục tiêu lợi nhuận. Nhiệm vụ cụ thể của NHNg là: tổ chức huy động vốn trong nước và nước ngoài của mọi tổ chức và tầng lớp dân cư; phát hành chứng chỉ nợ, vay chiết khấu và tái chiết khấu từ NHNN, vay các nguồn vốn khác trong nước và nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh; tổ chức huy động tiền gửi tiết kiệm trong cộng đồng người nghèo, nhận làm dịch vụ uỷ thác cho vay từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nhận các nguồn vốn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, quốc gia và các tổ chức khác để bổ sung nguồn vốn cho vay; cho vay ngắn hạn, trung hạn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ; tuỳ theo khả năng nguồn vốn của NHNg để cho vay những chương trình dự án sản xuất kinh doanh.

c) Mô hình tổ chức của Ngân hàng Phục vụ người nghèo

- Bộ máy quản trị: Bộ máy quản trị của NHNg gồm có Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban đại diện HĐQT ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. HĐQT là cơ quan quản lý của NHNg gồm 11 thành viên là đại diện có thẩm quyền của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Uỷ ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam do các cơ quan cử; đại diện một số tổ chức trong nước góp vốn cho NHNg do

Thống đốc NHNN chỉ định và Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam. Chủ tịch HĐQT NHNg từ 1995 đến tháng 7/1998 là ông Đỗ Quế Lượng và từ tháng 7/1998 – 2002 là ông Nguyễn Văn Giàu.

Giúp việc HĐQT NHNg có Tổng kiểm soát và Tổ Chuyên gia tư vấn. Ở các địa phương có Ban đại diện HĐQT cấp tỉnh và cấp huyện. Thành phần Ban đại diện HĐQT gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh và cấp huyện giống như thành phần của HĐQT. Trưởng Ban đại diện do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cùng cấp đảm nhiệm.

- Bộ máy điều hành tác nghiệp

Tại Trung ương, có Trung tâm Điều hành tác nghiệp. Tổng Giám đốc NHNg do bà Hà Thị Hạnh - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp đảm nhận. Trung tâm điều hành tác nghiệp có 5 phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kế hoạch nghiệp vụ, phòng Kế toán và quản lý vốn, phòng Kiểm soát, phòng Đối ngoại và quản lý dự án, phòng Tổ chức Hành chính.

Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành lập chi nhánh NHNg cấp tỉnh, do một Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp cấp tỉnh giữ chức Giám đốc. Chi nhánh cấp tỉnh có 3 phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kế hoạch nghiệp vụ, phòng Kế toán, phòng Kiểm soát.

Tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành lập chi nhánh NHNg cấp huyện, do một Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp cấp huyện giữ chức Giám đốc. Tại chi nhánh cấp huyện, không có phòng nghiệp vụ mà do các phòng nghiệp vụ của Ngân hàng Nông nghiệp cấp huyện đảm nhiệm.

NHNg chính thức đi vào hoạt động từ ngày 27/12/1995. Mô hình tổ chức được triển khai và thành lập với 64 chi nhánh cấp tỉnh, 585 chi nhánh cấp huyện trên toàn quốc theo một hệ thống, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

3. Hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Phục vụ người nghèo

a) Nguồn vốn

Nguồn vốn của NHNg gồm:

- Vốn Điều lệ;
- Tổ chức huy động vốn trong nước và nước ngoài của mọi tổ chức và tầng lớp dân cư;
- Phát hành chứng chỉ nợ, vay chiết khấu và tái chiết khấu từ NHNN vay khác trong nước và nước ngoài theo các dự án được Chính phủ bảo lãnh để cho vay người nghèo;
- Tổ chức huy động vốn tiết kiệm trong cộng đồng người nghèo;
- Nhận làm dịch vụ uỷ thác cho vay của các tổ chức quốc tế, quốc gia, cá nhân trong và ngoài nước đối với người nghèo;

- Các nguồn vốn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, quốc gia và các tổ chức khác để bổ sung cho vay vì mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

Tính đến 31/12/2002, tổng nguồn vốn của NHNg đạt 7.105 tỷ đồng, tăng gấp 12,71 lần so với năm 1995, bình quân tăng hơn 61%/năm.

b) Hoạt động cho vay

Đối tượng khách hàng vay vốn của NHNg là các hộ nghèo có sức lao động nhưng thiếu vốn sản xuất kinh doanh. NHNg ủy thác toàn bộ hoạt động cho vay cho NHNo&PTNT Việt Nam.

Hộ nghèo vay vốn của NHNg không phải thế chấp tài sản; phải hoàn trả vốn vay cả gốc và lãi đúng hạn đã cam kết. Khi vay vốn, người nghèo thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), để Ban xoá đói giảm nghèo cấp xã xét duyệt, UBND cấp xã xác nhận danh sách hộ nghèo vay vốn. Mức cho vay tối đa từ khi thành lập là 2,5 triệu đồng/hộ; sau đó được điều chỉnh tăng dần, đến năm 2002, mức cho vay tối đa một hộ là 5 triệu đồng. Lãi suất cho vay là lãi suất ưu đãi (tương đương 70-80% lãi suất cơ bản do NHNN công bố từng thời kỳ).

Kết quả cho vay: Tổng doanh số cho vay là 15.264 tỷ đồng, với 7.867 ngàn lượt hộ nghèo được vay vốn; doanh số thu nợ là 8.241 tỷ đồng; dư nợ đến 31/12/2002 là 7.022 tỷ đồng, với 2.760 ngàn hộ nghèo còn dư nợ.

II. SỰ RA ĐỜI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Bối cảnh ra đời Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Do yêu cầu đổi mới nền kinh tế theo cơ chế thị trường: Kết quả của 15 năm thực hiện đường lối đổi mới công tác xoá đói giảm nghèo cũng mới chỉ là thành công bước đầu. Sự cách biệt giữa các vùng và giữa người giàu với người nghèo còn lớn, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, đời sống của người dân vẫn còn không ít khó khăn. Sản xuất gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, thiếu nguyên liệu; tình trạng thất nghiệp gia tăng, cơ hội tìm kiếm việc làm với số đông người lao động ngày càng khó khăn; thực tế đó đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết xoá đói giảm nghèo bền vững.

b) Xuất phát từ thực tiễn hoạt động của Ngân hàng Phục vụ người nghèo: Mô hình NHNg đặt trong NHNo&PTNT đã bộc lộ nhiều hạn chế, cản trở NHNo&PTNT trong quá trình chuyển sang hạch toán kinh doanh. NHNg thực chất chỉ gồm một bộ phận nhỏ cán bộ điều hành chuyên trách ở Trung ương và vẫn thuộc biên chế chung của NHNo&PTNT, tác nghiệp ở cơ sở đều do cán bộ NHNo&PTNT thực hiện kiêm nhiệm.

c) Do yêu cầu cải tổ hệ thống Ngân hàng, tập trung nguồn lực, tập trung vốn vào một đầu mối: Năm 1997, Quốc hội Việt Nam ban hành Luật Các tổ chức tín dụng, tại Khoản 3, Điều 4 của Luật này đã nêu rõ: “Phát triển các Ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, phục vụ người nghèo

và các đối tượng chính sách khác nhằm thực hiện chính sách kinh tế xã hội của Nhà nước”.

Để thực hiện chủ trương đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Tổ chuyên gia liên ngành gồm một số lãnh đạo cấp Thứ trưởng, cấp Vụ và chuyên gia của các bộ, ngành liên quan như: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ. Tổ chuyên gia liên ngành đã xây dựng Đề án gồm Nghị định của Chính phủ về cơ chế chính sách tín dụng ưu đãi cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức Ngân hàng mới.

Ngân hàng Chính sách xã hội được thành lập, khai trương và đi vào hoạt động: Ngày 04/10/2002, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; cùng ngày Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) trên cơ sở tổ chức lại NHNg.

Logo của NHCSXH được kế thừa từ Logo của NHNg, có cải tiến cho phù hợp với tên gọi của NHCSXH. Logo có hình búp sen, biểu trưng ấy được tạo thành bởi hình ảnh cách điệu của 2 bàn tay đan nhau, tạo hình 2 chữ N (viết tắt của từ Người nghèo) và tạo thành 3 khối chéo trên đỉnh, tượng trưng cho 03 miền Bắc - Trung - Nam. Phía dưới biểu trưng Logo mang dòng chữ “VBSP” là chữ viết tắt tên tiếng Anh của NHCSXH (Vietnam Bank For Social Policies) tạo đài hoa như một bệ đỡ vững chắc, thể hiện tinh thần vì người nghèo và những cam kết của NHCSXH.

Ngày 22/01/2003, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH.

Ngày 11/3/2003, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra lễ khai trương NHCSXH chính thức đi vào hoạt động trong lĩnh vực tín dụng cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tại các địa phương, NHCSXH các tỉnh, thành phố cũng đã đồng loạt khai trương và đi vào hoạt động từ tháng 3/2003.

2. Mô hình tổ chức, bộ máy của Ngân hàng Chính sách xã hội

NHCSXH có mô hình tổ chức theo 3 cấp: Tại Trung ương có Hội sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội. Tại cấp tỉnh có Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh. Tại cấp huyện có Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện. Mỗi cấp đều có bộ máy quản trị và bộ máy điều hành tác nghiệp.

a) *Bộ máy quản trị:* Bộ máy quản trị của NHCSXH có Hội đồng quản trị (HĐQT) ở Trung ương và Ban đại diện Hội đồng quản trị ở cấp tỉnh, cấp huyện.

**Cơ cấu Hội đồng quản trị:*

- Theo Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg, quản trị NHCSXH là HĐQT gồm 12 thành viên, trong đó có 09 thành viên kiêm nhiệm và 03 thành viên chuyên trách. 09 thành viên kiêm nhiệm gồm: Thống đốc NHNN là Chủ tịch

HDQT; 08 thành viên còn lại là Thứ trưởng hoặc cấp tương đương Thứ trưởng của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ, Hội Nông dân và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; 03 thành viên chuyên trách gồm: 01 ủy viên giữ chức Phó Chủ tịch Thường trực, 01 ủy viên giữ chức Tổng Giám đốc, 01 ủy viên giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.

- Trong quá trình hoạt động, thành phần HDQT đã có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn: bổ sung Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đồng thời giảm vị trí Phó Chủ tịch Thường trực. Hiện nay HDQT NHCSXH có 14 người.

**Chức năng của Hội đồng quản trị:*

- Quản trị các hoạt động của NHCSXH, phê duyệt chiến lược phát triển dài hạn, kế hoạch hoạt động hàng năm, ban hành các văn bản về chủ trương, chính sách, quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của NHCSXH các cấp, nghị quyết các kỳ họp HDQT thường kỳ và đột xuất.

- Tuỳ theo chức năng nhiệm vụ của mỗi Bộ, ngành, từng thành viên kiêm nhiệm HDQT còn trực tiếp chỉ đạo hệ thống Bộ, ngành mình tham gia quản lý, giám sát, hỗ trợ các hoạt động của NHCSXH, tham gia chuyển tải vốn đến hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương.

**Giúp việc Hội đồng quản trị:* Có Ban chuyên gia tư vấn và Ban kiểm soát NHCSXH.

- Ban chuyên gia tư vấn HDQT gồm các chuyên viên các bộ, ngành và một số chuyên gia thuộc thẩm quyền HDQT quyết định. Ban chuyên gia tư vấn làm việc theo quy chế hoạt động do HDQT quy định; có nhiệm vụ tham mưu tư vấn cho HDQT về chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động của NHCSXH; cùng các bộ, ngành chuyên môn nghiên cứu, soạn thảo các văn bản thuộc thẩm quyền của HDQT. Ban chuyên gia tư vấn HDQT gồm 12 thành viên.

- Ban Kiểm soát là một tổ chức thuộc HDQT NHCSXH, hoạt động theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của HDQT. Ban Kiểm soát NHCSXH thực hiện chức năng kiểm tra giám sát hoạt động của Ban đại diện HDQT các cấp và bộ máy của NHCSXH trong việc chấp hành pháp luật, Điều lệ NHCSXH, các nghị quyết, quyết định của HDQT; Ban Kiểm soát NHCSXH có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật và Nghị quyết của HDQT.

Khi mới thành lập, Ban Kiểm soát NHCSXH có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm của Bộ Tài chính và NHNN. Năm 2007, Ban Kiểm soát tăng lên 08 thành viên, trong đó có 06 thành

viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

Ngày 10/9/2010, HĐQT thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát NHCSXH có chức năng tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban Kiểm soát và HĐQT trong việc kiểm toán các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ tại các đơn vị, bộ phận của NHCSXH.

** Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp:*

- Thành phần: Ban đại diện HĐQT NHCSXH do Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định nhân sự, gồm: Trưởng Ban đại diện là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cùng cấp; các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan quản lý Nhà nước ở các Sở, Ban, Ngành và các Tổ chức CT-XH nhận ủy thác; 01 thành viên giúp việc Ban đại diện là Giám đốc NHCSXH cùng cấp. Từ năm 2015, Ban đại diện HĐQT cấp huyện bổ sung thành phần là Chủ tịch UBND cấp xã.

- Chức năng: Ban đại diện HĐQT giám sát việc thực thi các Nghị quyết, Văn bản chỉ đạo của HĐQT tại các địa phương; Chỉ đạo việc gắn tín dụng chính sách với kế hoạch giảm nghèo bền vững và dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ưu đãi.

b) Bộ máy điều hành tác nghiệp

Bộ máy điều hành của NHCSXH gồm: Hội sở chính ở Trung ương, chi nhánh ở cấp tỉnh và phòng giao dịch ở cấp huyện.

**Hội sở chính:* Ở Trung ương, NHCSXH có Hội sở chính gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc, chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ hoạt động của cả hệ thống NHCSXH trên toàn quốc.

- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc: Điều hành hoạt động của NHCSXH là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Khi mới thành lập, NHCSXH có 3 Phó Tổng Giám đốc, hiện nay có 7 Phó Tổng Giám đốc.

- Kế toán trưởng NHCSXH do Thống đốc NHNN bổ nhiệm theo đề nghị của HĐQT, sau khi có sự thoả thuận của Bộ Tài chính.

- Các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính:

Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc NHCSXH khi mới thành lập có 07 Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Kế hoạch nghiệp vụ, Kế toán và Quản lý tài chính, Kiểm tra kiểm toán nội bộ, Công nghệ thông tin, Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Hợp tác quốc tế; Văn phòng. Điều hành phòng chuyên môn nghiệp vụ là Trưởng phòng, giúp việc Trưởng phòng có một số Phó Trưởng phòng.

Năm 2010, HĐQT ban hành Nghị quyết về việc đổi tên các phòng chuyên môn nghiệp vụ Hội sở chính thành các Ban chuyên môn nghiệp vụ. Hiện nay,

Hội sở chính có 14 Ban: Tổ chức cán bộ; Kiểm tra kiểm soát nội bộ; Thi đua Khen thưởng; Tín dụng Người nghèo; Tín dụng Học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác; Quản lý và xử lý nợ rủi ro; Kế hoạch Nguồn vốn; Kế toán và Quản lý tài chính; Xây dựng cơ bản; Tài vụ; Hợp tác quốc tế và Truyền thông; Pháp chế; Kiểm tra Kiểm soát nội bộ khu vực miền Nam; Văn phòng.

- Các đơn vị tại Hội sở chính: Tại Hội sở chính, có ba đơn vị tác nghiệp là Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin.

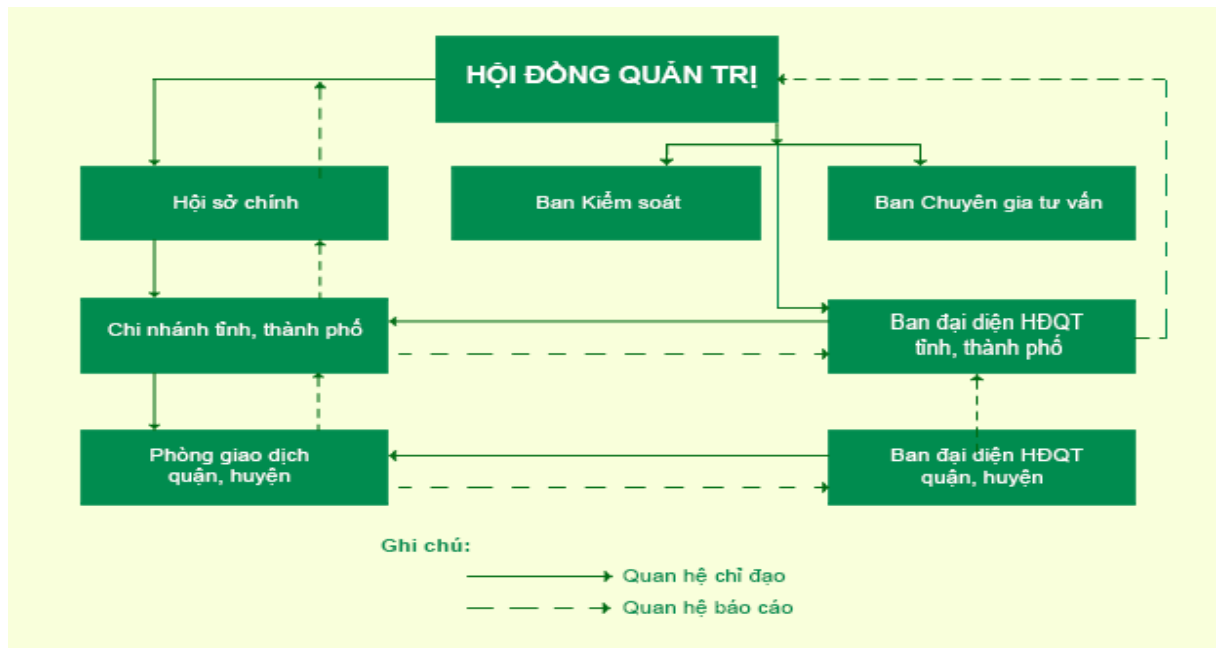
**Chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố*

Tháng 01/2003, HĐQT ban hành các quyết định thành lập chi nhánh NHCSXH tại các tỉnh, thành phố. Tại chi nhánh có 04 Phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm: Hành chính Tổ chức; Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng; Kế toán Ngân quỹ; Kiểm tra kiểm toán nội bộ. Tháng 5/2007, HĐQT ban hành Nghị quyết thành lập phòng Tin học tại các chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh.

**Phòng giao dịch NHCSXH quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*

Tháng 01/2003, HĐQT thành lập các Phòng giao dịch cấp huyện thuộc chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố. Đến cuối năm 2010, toàn hệ thống NHCSXH có 630 Phòng giao dịch cấp huyện thuộc 63 chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố. Cơ cấu Phòng giao dịch cấp huyện được bố trí gọn nhẹ, điều hành Phòng giao dịch là Giám đốc, giúp việc Giám đốc là một Phó Giám đốc và một số cán bộ chuyên môn về kế hoạch nghiệp vụ, kế toán, kiểm soát, ngân quỹ, thuộc 02 Tổ nghiệp vụ: Tổ Kế hoạch nghiệp vụ và Tổ Kế toán Ngân quỹ.

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA NHCSXH



Phần II

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

I. GIAI ĐOẠN 2002-2010

1. Bối cảnh, đặc điểm hoạt động của NHCSXH giai đoạn 2002-2010

NHCSXH ra đời đã đánh dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của lịch sử Ngân hàng Việt Nam. Lần đầu tiên Việt Nam đã thiết lập được kênh tín dụng riêng để hỗ trợ tài chính cho người nghèo và các đối tượng chính sách, thực hiện chính sách tín dụng hợp lý, tạo điều kiện cho người nghèo có vốn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, từng bước làm quen với nền sản xuất hàng hoá. NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà vì mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Đây là nét đặc biệt, là sáng tạo chỉ riêng có ở Việt Nam, từ bộ máy tổ chức điều hành hoạt động nghiệp vụ đều rất đặc thù nhưng rất hiệu quả mà không một quốc gia nào trên thế giới có được.

Giai đoạn 2002-2010 là giai đoạn NHCSXH thực hiện việc xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, tăng cường nguồn lực, tăng trưởng tín dụng phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách. Trong giai đoạn này, NHCSXH xây dựng và hoàn thiện các cơ chế quản lý về tài chính, tín dụng; xây dựng và củng cố Tổ TK&VV, hoàn thiện mạng lưới các Điểm giao dịch xã và quy chế hoạt động của Tổ giao dịch xã. Đây là hướng đi đúng đắn, giúp cho việc chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến đúng đối tượng thụ hưởng kịp thời, hiệu quả; đồng thời huy động được sức mạnh của cộng đồng và toàn xã hội cùng chung tay giúp người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Trong giai đoạn này, NHCSXH thực hiện mục tiêu đề ra là cho vay kịp thời và đến tận tay người nghèo thiếu vốn SXKD, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hạn chế cho vay nặng lãi ở nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, xóa bỏ dần khoảng cách giàu nghèo. Đồng thời, NHCSXH đã giữ vai trò tích cực trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về XDGN.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2002-2010, hoạt động của NHCSXH vẫn còn có những thách thức cần vượt qua. Kế hoạch phát triển còn manh mún theo từng năm mà chưa có kế hoạch dài hạn, chưa có chiến lược phát triển dài hạn; công tác tuyên truyền, marketing, quảng cáo chưa thực sự được chú trọng, thiếu tính chuyên nghiệp. Cơ sở hạ tầng thiếu tính đồng bộ, nhiều nơi còn phải thuê mượn tạm thời, trụ sở chưa được khang trang, ít gây được sự chú ý và niềm tin đối với khách hàng. Mặc dù vậy, về cơ bản NHCSXH trong giai đoạn đầu này đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Chính phủ giao phó, đóng góp tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về XDGN giai đoạn 2001-2010, xây dựng được nền tảng vững chắc, tạo đà phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

2. Kết quả hoạt động của NHCSXH giai đoạn 2002-2010

a) Nguồn vốn

Năm 2002, khi NHCSXH được thành lập, tổng nguồn vốn của NHCSXH là 7.105 tỷ đồng. Đến 31/12/2010, tổng nguồn vốn của NHCSXH đạt 91.897 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn của NHCSXH từ năm 2002 đến năm 2010 bình quân đạt 38%/năm.

Nguồn vốn của NHCSXH không chỉ có sự tăng trưởng về khối lượng và quy mô mà cơ cấu nguồn vốn cũng thay đổi theo hướng chủ động hơn cho NHCSXH. Tỷ trọng nguồn vốn NHCSXH huy động và nguồn vốn vay theo chỉ đạo của Chính phủ tăng dần qua các năm, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tạo lập nguồn vốn dài hạn ổn định và mang lại sự chủ động về nguồn vốn cho NHCSXH, thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng nguồn vốn	7.105	10.525	15.354	20.109	25.405	36.052	54.691	74.458	91.897
1. Vốn NSTW cấp	1.215	3.741	4.747	5.847	7.823	11.731	16.101	19.124	20.916
- Vốn Điều lệ	1.015	1.515	2.315	3.197	4.788	5.988	7.988	9.488	10.000
- Vốn cấp cho các chương trình TD	200	2.226	2.432	2.650	3.035	5.743	8.113	9.636	10.916
2. Vốn vay theo chỉ định của Chính phủ	1.235	1.874	1.846	1.911	1.887	7.718	17.246	26.378	35.461
- Vốn vay NH NN	1.031	1.661	1.661	1.641	1.622	4.821	7.796	16.796	23.796
- Vốn vay KB NN						2.500	9.000	9.000	11.000
- Vốn vay nước ngoài	204	213	185	270	265	397	450	582	665
3. Vốn huy động và vay theo LSTT	4.210	4.443	8.093	11.281	14.138	14.345	17.608	23.081	26.963
- Nhận tiền gửi 2% các TCTD NN		3.043	4.036	4.696	5.940	8.019	10.041	11.793	12.821
- Phát hành trái phiếu				30	30			2.000	11.000
- Huy động vốn khác	4.210	1.400	4.057	6.555	8.168	6.326	7.657	9.288	3.142
4. Vốn nhận ủy thác NSDP	445	467	669	861	1.046	1.266	1.528	2.008	2.286
5. Vốn khác				209	511	992	2.208	3.867	6.271

Nguồn vốn hoạt động của NHCSXH tăng trưởng liên tục từ năm 2002 đến 2010 đã tạo nguồn lực quan trọng hỗ trợ hàng triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, đối tượng NHCSXH được vay vốn ưu đãi để sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và tự vươn lên thoát nghèo, góp phần ngăn chặn tệ cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

b) Quá trình thực hiện các chương trình tín dụng chính sách

- *Đối tượng cho vay:* Đối tượng khách hàng của NHCSXH phục vụ trong giai đoạn này nhiều hơn dưới thời kỳ NHNg gồm: (1) hộ nghèo; (2) hộ SXKD tại vùng khó khăn; (3) đối tượng vay vốn để giải quyết việc làm; (4) HSSV có hoàn cảnh khó khăn; (5) đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Ngoài ra, NHCSXH còn cho vay các đối tượng chính sách khác theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Phương thức ủy thác cho vay qua các tổ chức CT-XH:

Sau khi khai trương và đi vào hoạt động, NHCSXH đã nhận bàn giao 3 chương trình tín dụng chính sách: cho vay hộ nghèo của NHNg, cho vay giải quyết việc làm từ Kho bạc Nhà nước và cho vay HSSV từ Ngân hàng Công thương. Sau khi nhận bàn giao, NHCSXH ký Hợp đồng ủy thác toàn phần qua NHNo&PTNT. Tuy nhiên, việc ủy thác này đã nảy sinh một số bất cập như: Vốn giải ngân chậm, tồn đọng lớn; tổ chức giao dịch (giải ngân, cho vay, thu nợ, thu lãi...) được thực hiện tại trụ sở ngân hàng huyện nên người vay gặp nhiều khó khăn do phải đi giao dịch xa; mức phí ủy thác không đủ để bù đắp chi phí.

Xuất phát từ thực tiễn, NHCSXH đã nghiên cứu, tìm ra phương thức ủy thác qua các tổ chức CT-XH. Ngày 03/7/2004 NHCSXH ban hành văn bản số 1114/NHCS-KHNV hướng dẫn nội dung ủy thác một số công đoạn trong quy trình cho vay giữa NHCSXH với các tổ chức CT-XH ở cả 04 cấp, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Đến 30/6/2023, tổng dư nợ tín dụng chính sách các Tổ chức chính trị - xã hội phối hợp quản lý là 302.706 tỷ đồng, tăng 21.082 tỷ đồng so với 31/12/2022.

- *Hoạt động ủy nhiệm qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn:* Để đáp ứng yêu cầu quản lý tín dụng chính sách có quy mô ngày càng lớn và chất lượng cao hơn, ngày 29/7/2003, HĐQT ban hành Quyết định số 783/QĐ-HĐQT về quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV trong đó nhấn mạnh Tổ TK&VV hoạt động độc lập với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác. NHCSXH ký Hợp đồng ủy nhiệm với các Tổ TK&VV, Tổ không được thu nợ gốc, có thể được ủy nhiệm thu lãi nếu có đủ điều kiện và có tín nhiệm. Hoạt động của Tổ TK&VV được NHCSXH trả hoa hồng với tỷ lệ tối đa bằng 0,1%/tháng tính trên dư nợ có thu được lãi.

Đến 30/6/2023, toàn quốc có 168.464 Tổ TK&VV, trong đó có 154.358 Tổ TK&VV xếp loại tốt chiếm 91,63%; 9.887 Tổ TK&VV xếp loại khá chiếm 5,87%; 3.931 Tổ TK&VV xếp loại trung bình chiếm 2,33%; 277 Tổ TK&VV xếp loại yếu chiếm 0,16%; 11 Tổ TK&VV không xếp loại.

- Hoạt động tại Điểm giao dịch xã:

Ngày 12/8/2005, NHCSXH đã cho ra đời mô hình Tổ giao dịch lưu động tại xã theo văn bản 2064/NHCS-KHNV của Tổng Giám đốc. Theo đó, NHCSXH thành lập các Tổ giao dịch lưu động (gồm 2-3 cán bộ) đi giao dịch cho vay, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm của người nghèo, chi trả hoa hồng cho Tổ TK&VV, họp giao ban với các tổ chức CT-XH, Tổ trưởng Tổ TK&VV tại điểm giao dịch cấp xã (mỗi xã có 01 điểm giao dịch). Lịch giao dịch tại mỗi Điểm giao dịch xã được sắp xếp cố định theo ngày, hàng tháng và được thông báo công khai.

Đến 30/6/2023, toàn quốc có 10.442 điểm giao dịch xã trên tổng số 10.603 xã, phường, thị trấn. Trong đó có 10.384 điểm giao dịch độc lập và 58 điểm giao dịch liên phường; 87 xã, phường, thị trấn giao dịch tại trụ sở ngân hàng.

- Kết quả cho vay các chương trình tín dụng chính sách

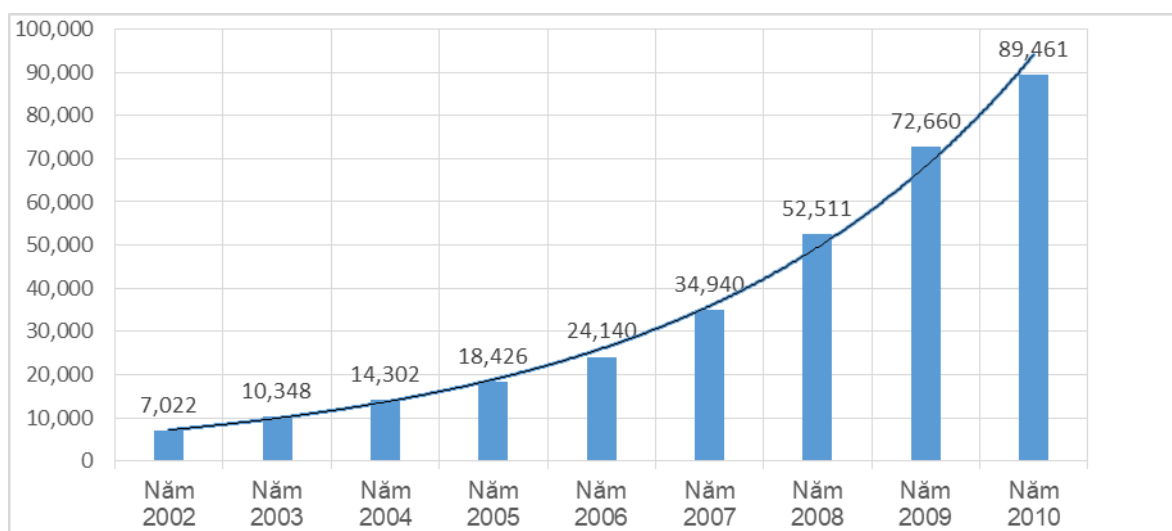
Trong giai đoạn (2002-2010), NHCSXH thực hiện cho vay trên 18 chương trình tín dụng chính sách. Cho đến năm 2010, dư nợ các chương trình tín dụng đạt 89.461 tỷ đồng, tăng 82.439 tỷ đồng, tăng 11,7 lần so với năm 2002. Chất lượng các chương trình tín dụng của NHCSXH ngày càng được nâng cao, nợ xấu tính đến 31/12/2010 là 1.079 tỷ đồng chiếm 1,2% tổng dư nợ. Dư nợ các chương trình tín dụng như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

T T	Chương trình	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1	Cho vay hộ nghèo	7.022	8.249	11.609	14.891	19.196	23.270	27.456	32.402	36.164
2	Cho vay HSSV		88	133	157	217	2.807	9.741	18.231	26.052
3	Cho vay hộ SXKD tại VKK						2.393	6.250	9.249	10.310
4	Cho vay NS và VSMTNT			123	328	789	1.717	3.544	5.497	6.957
5	Cho vay giải quyết việc làm		1.963	2.259	2.569	2.848	3.159	3.532	4.025	4.598
6	Cho vay hộ nghèo về nhà ở								766	2.208
7	Cho vay XKLD		6	71	252	546	662	796	776	722
8	Cho vay TCNO ĐBSCL, TN		42	105	179	342	507	556	580	598
9	Cho vay hộ DTTS ĐBKK						86	217	359	431

T T	Chương trình	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
10	Cho vay thương nhân vùng KK								101	318
12	Cho vay các CT, dự án khác			2	50	202	338	419	674	1.102
	TỔNG CỘNG	7.022	10.348	14.302	18.426	24.140	34.939	52.511	72.660	89.461

Tốc độ tăng trưởng dư nợ giai đoạn 2002-2010



II. GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Bối cảnh, đặc điểm hoạt động của NHCSXH giai đoạn 2011-2020

Kế thừa kết quả hoạt động của thời kỳ trước, trong giai đoạn 2011-2020, hoạt động của NHCSXH ngày càng lớn mạnh về quy mô và hoàn thiện trên mọi lĩnh vực. Trong bối cảnh kinh tế-xã hội Việt Nam có chuyển biến tích cực, Đảng và Nhà nước đưa ra Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, NHCSXH đã có bước phát triển mới, sâu sắc hơn để đáp ứng nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao phó. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 do Đảng Cộng sản đưa ra là cơ sở cho NHCSXH xây dựng Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2012.

Trong giai đoạn này, NHCSXH luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát của Đảng, Chính phủ, Quốc hội, đặc biệt Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng ra đời và đi vào thực tiễn giúp cho mối quan hệ máu thịt giữa các cấp ủy đảng với nhân dân trở nên sâu sắc hơn, trong đó các cấp ủy đảng trực tiếp chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách, giúp nguồn vốn tín dụng được ổn định, đáp ứng như cầu vay vốn phát triển SXKD của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược Phát triển

NHCSXH giai đoạn 2011-2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, NHCSXH đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. NHCSXH không chỉ đáp ứng được các mục tiêu tín dụng đề ra, góp phần đáng kể vào thành công của công tác giảm nghèo bền vững mà còn là đầu mối liên kết giữa trung ương với địa phương, xây dựng một khối đoàn kết toàn dân thực hiện các mục tiêu chung của quốc gia, dân tộc, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia vào công cuộc giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

2. Kết quả hoạt động của NHCSXH giai đoạn 2011-2020

a) Nguồn vốn

Giai đoạn 2011-2020, để đảm bảo có đủ nguồn lực thực hiện các chương trình tín dụng chính sách, Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương các cấp đã luôn quan tâm đến việc huy động và tập trung các nguồn lực tài chính dưới nhiều hình thức, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tổng nguồn vốn giai đoạn này tăng hơn 2,5 lần: từ 91.897 tỷ đồng (năm 2011) lên 233.426 tỷ đồng (31/12/2020).

Điểm nổi bật trong việc tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại địa phương kể từ khi thực hiện Chiến lược, đó là đã tập trung huy động được nguồn lực tại chỗ. Đến 31/12/2020, nguồn vốn các địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn đạt trên 20.315 tỷ đồng, tăng trên 18.029 tỷ đồng, tăng gấp 8,8 lần so với giai đoạn trước khi thực hiện Chiến lược.

Tổng nguồn vốn tín dụng chính sách đến 30/6/2023 đạt 318.278 tỷ đồng, tăng 21.261 tỷ đồng (+7,2%) so với năm 2022.

b) Kết quả cho vay các chương trình tín dụng chính sách

Giai đoạn 2011-2020, NHCSXH thực hiện cho vay hơn 20 chương trình và dự án tín dụng chính sách xã hội. Vốn tín dụng chính sách đã được đầu tư đến 100% xã, phường, thị trấn trên cả nước; trong đó, tập trung ưu tiên cho vay các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Các chương trình tín dụng có dư nợ lớn như: cho vay hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo; cho vay học sinh sinh viên; cho vay vùng khó khăn.

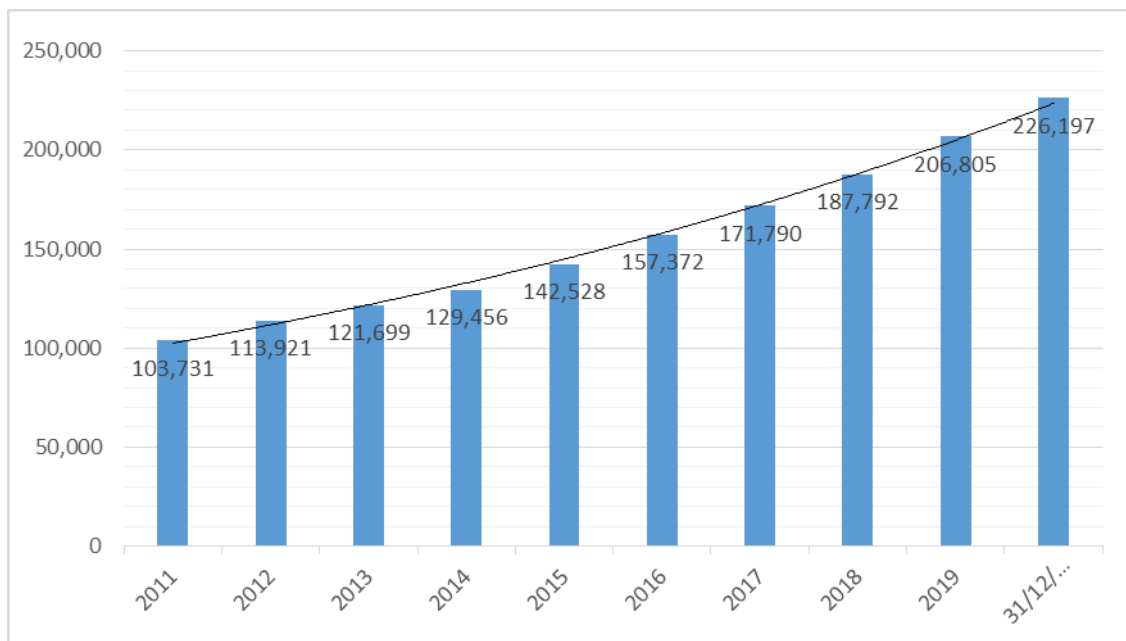
Dư nợ các chương trình tín dụng chính sách (2011-2020)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chương trình	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Cho vay hộ nghèo	38.482	41.560	41.650	39.252	36.384	38.653	39.061	38.014	34.851	30.943

TT	Chương trình	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
2	Cho vay hộ cận nghèo			7.110	17.140	27.481	29.798	30.295	30.142	31.784	33.569
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo					3.504	11.828	20.653	28.293	34.422	38.906
4	Cho vay HSSV	33.446	35.802	34.262	29.794	24.456	19.375	15.813	13.046	11.020	10.469
5	Cho vay NS&VSMT NT	8.540	10.631	12.116	15.386	20.096	23.894	26.573	29.898	35.040	39.302
6	Cho vay GQVL	5.204	5.663	5.959	6.284	6.824	8.101	10.834	15.234	21.737	30.435
7	Cho vay XKLD	728	560	446	460	462	509	580	774	959	955
8	Cho vay hộ SXKD vùng khó khăn	11.014	12.871	13.167	13.961	15.483	16.344	18.107	21.123	24.092	26.558
9	Cho vay thương nhân vùng KK	317	312	304	287	261	248	240	230	223	215
10	Cho vay TCNO ĐBSCL và TN	686	743	923	1.049	1.045	974	889	787	667	558
11	Cho vay hộ nghèo về nhà ở	3.335	3.833	3.810	3.766	3.646	3.831	4.733	5.142	4.842	3.160
12	Cho vay hộ nghèo xây chòi tránh lũ		4	7	7	87	167	177	189	198	195
13	Cho vay trồng rừng SXCN							161	212	348	429
14	Cho vay hộ ĐB DTTS ĐBK	534	496	546	549	793	925	831	659	477	215
15	Cho vay hộ DTTS nghèo ĐB SCL	463	460	450	446	479	432	373	301	241	191
16	Cho vay hộ ĐB DTTS nghèo, KK	1	1		61	502	820	790	701	552	238
17	Cho vay vùng DTTS và miền núi								485	973	1.975
18	Cho vay NOXH								905	2.397	4.500
19	Cho vay các CT, dự án khác	981	985	949	1.014	1.025	1.473	1.680	1.657	1.982	3.384
	TỔNG CỘNG	103.731	113.921	121.699	129.456	142.528	157.372	171.790	187.792	206.805	226.197

Tốc độ tăng trưởng dư nợ giai đoạn 2011-2020



Đến 30/6/2023, tổng dư nợ tín dụng chính sách đạt 304.431 tỷ đồng, tăng

21.082 tỷ đồng (+7,4%) so với năm 2022 với hơn 6.677 nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ. Tổng nợ quá hạn và nợ khoanh toàn hệ thống là 1.891 tỷ đồng, chiếm 0,62% tổng dư nợ. Trong đó: nợ quá hạn là 516 tỷ đồng, chiếm 0,17%; nợ khoanh 1.375 tỷ đồng, chiếm 0,45%. Toàn hệ thống có 58/63 chi nhánh có tỷ lệ nợ quá hạn dưới 0,5%/tổng tư nợ.

Phần III

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

I. Đánh giá của Đảng và Nhà nước

1. Về mô hình tổ chức, quản trị, giám sát, thực hiện từ Trung ương đến địa phương của NHCSXH

Hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội đã khẳng định phương thức quản lý và mô hình tổ chức quản trị, điều hành, tác nghiệp của NHCSXH là phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam; đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của cả xã hội tham gia vào công cuộc giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Báo cáo số 660/BC-UBTVQH13 ngày 19/5/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII đã nêu: "Các chính sách tín dụng trực tiếp cho hộ nghèo được thực hiện chủ yếu thông qua NHCSXH gồm 15 chương trình tín dụng dành cho người nghèo với mức lãi suất thấp... Chính sách tín dụng cho hộ nghèo là chính sách được triển khai rộng rãi nhất, đáp ứng một lượng lớn nhu cầu vốn của hộ nghèo, tác động trực tiếp và mang lại hiệu quả thiết thực, là một trong những điểm sáng trong các chính sách giảm nghèo. Đây cũng là chính sách xây dựng được mối liên kết tốt giữa Nhà nước thông qua NHCSXH với các tổ chức CT-XH và người nghèo, phát huy tính chủ động, nâng cao trách nhiệm của người nghèo với chính quyền cơ sở thông qua việc giữ mối liên hệ, hướng dẫn làm ăn, đôn đốc giải ngân, thu nợ của ngân hàng".

2. Về hiệu quả hoạt động của NHCSXH trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Tháng 10/2019, Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về "Vai trò, hiệu quả tín dụng chính sách trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững". Theo đó, "Tín dụng chính sách xã hội do NHCSXH thực hiện là một giải pháp sáng tạo, có tính nhân văn sâu sắc, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, là một trụ cột quan trọng trong chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách mà Đảng và Nhà nước đã đề ra; xây dựng được mối liên kết tốt giữa cơ quan chính quyền với các tổ chức CT-XH và người dân.

Tín dụng chính sách xã hội đã góp phần giải quyết một số vấn đề thiết yếu của cuộc sống cho người nghèo, hộ chính sách, đồng bào tại nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, góp phần phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo, hạn

chế tín dụng đen, tạo nguồn lực cho địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”.

3. Về kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư

Ngày 15/7/2020, Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp với Ban cán sự đảng NHNN, NHCSXH và các Bộ, ngành, tổ chức CT-XH có liên quan tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết năm năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

Hội nghị khẳng định: tín dụng chính sách xã hội là một trụ cột quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Đây cũng là chính sách được triển khai rộng rãi nhất, đáp ứng một lượng lớn nhu cầu vốn cho người nghèo. Nhờ trụ cột này, giai đoạn 2014-2019, số hộ nghèo giảm nhanh, trong đó tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 giảm từ 14,2% xuống 4,25%, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm từ 9,88% (2015) xuống còn 5,23% (2018), 1,7 triệu hộ vượt qua ngưỡng nghèo; thu hút, tạo việc làm cho hơn 900 nghìn lao động, góp phần đẩy lùi tín dụng đen, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là khu vực nông dân, nông thôn.

Hội nghị khẳng định Chỉ thị 40-CT/TW đã nhanh chóng đi vào cuộc sống bởi phù hợp và đáp ứng kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân; qua đó củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện được mục tiêu tăng trưởng đi đôi với phát triển, góp phần đạt mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng. Đây cũng là minh chứng khẳng định chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về tín dụng chính sách xã hội đã đề ra tại Chỉ thị 40-CT/TW là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Phát biểu chỉ đạo, đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư khẳng định những kết quả tích cực sau 5 năm thực hiện Chỉ thị, trong đó NHCSXH đã có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đồng thời yêu cầu tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, vai trò trách nhiệm của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH các cấp, sự chung sức đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội trong triển khai tín dụng chính sách, thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững đã đề ra. Đồng chí đánh giá “Mô hình NHCSXH là một hình mẫu về xoá đói giảm nghèo trên thế giới; cán bộ NHCSXH đã thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ, nhờ đó vốn tín dụng đạt hiệu quả quan trọng trong góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”. “Xác định lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tín dụng chính sách là một trong những nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hằng năm, hàng tháng và cần coi đây là giải pháp thiết thực, hiệu quả góp phần đổi mới nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH các cấp. Sự vào cuộc của Mặt trận và tổ chức CT-XH rất quan trọng trong đổi mới và tăng

cường hiệu quả hoạt động; đi sâu, đi sát hội viên, nâng cao hơn nữa chất lượng sử dụng vốn, hoạt động cho vay vốn, giúp sử dụng vốn hiệu quả nhất. Đồng thời, cần tập hợp lực lượng đẩy mạnh tuyên truyền về tín dụng chính sách với các tầng lớp nhân dân. Người cán bộ tín dụng chính sách phải gần dân, sát dân... Thêm vào đó, cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tạo điều kiện NHCSXH ngày càng hoạt động hiệu quả, không xảy ra tiêu cực; đồng thời góp phần ngăn chặn đẩy lùi tín dụng đen, đảm bảo thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển an sinh xã hội và kinh tế theo định hướng XHCN”.

II. Đánh giá của các tổ chức quốc tế

1. Đánh giá của Ngân hàng thế giới

Ngân hàng Thế giới (WB) theo dõi hoạt động của NHCSXH rất sát sao, ban đầu đã có những đánh giá chưa tích cực nhưng trải qua thời gian đã công nhận thành công của NHCSXH. Tháng 9/2020, Ngân hàng Thế giới đã ban hành báo cáo đánh giá về hoạt động của NHCSXH, với tiêu chí “đánh giá NHCSXH theo mô hình ngân hàng phát triển theo định hướng thị trường”, tức là khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng mục tiêu và dần dần thôi phụ thuộc vào trợ cấp của chính phủ. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới nhận định “NHCSXH là nhà cung cấp tài chính vi mô lớn nhất Việt Nam và châu Á”. Ngân hàng Thế giới đánh giá cao vai trò của NHCSXH trong việc làm giảm tỷ lệ người nghèo ở Việt Nam “Tỷ lệ dân số sống dưới chuẩn nghèo trên toàn quốc (chuẩn nghèo của Tổng cục thống kê Việt Nam và Ngân hàng Thế giới) đạt 13,5% trong năm 2014, giảm từ gần 60% năm 1993. Từ năm 2003, khi NHCSXH được thành lập cho đến năm 2017, tỷ lệ nghèo đã giảm hơn hai phần ba so với mức cao nhất là 19,5%. Tính đến năm 2017, tỷ lệ nghèo giảm xuống còn 6,7% hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Bộ Lao động - Thương binh & xã hội. Cùng với 5,3% hộ cận nghèo, khách hàng tiềm năng của NHCSXH là 2,9 triệu hộ”. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho rằng NHCSXH đã thực hiện thành công “Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011-2020” khi hoàn thành được phần lớn Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, đa dạng hoá sản phẩm tín dụng. Ngân hàng Thế giới nhận định “Hầu hết các hộ thoát nghèo đều thành công, cụ thể 98% hộ vượt ngưỡng nghèo năm 2014 không tái nghèo năm 2016. Nguy cơ tái nghèo cũng giảm... Năm 2018 cho vay hộ nghèo xấp xỉ 27% dư nợ, trong khi cho vay hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo chiếm 57%”. Đặc biệt, ở vùng trung du và miền núi phía Bắc, NHCSXH là nguồn tài chính phổ biến thứ hai sau vay mượn từ gia đình và bạn bè (19,9%).

2. Đánh giá của Ngân hàng Phát triển châu Á

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã có thay đổi trong nhận định về

tính chất và kết quả hoạt động của NHCSXH. Năm 2012, Ngân hàng Phát triển Châu Á cho rằng Nhà nước Việt Nam đã can thiệp trực tiếp vào quá trình tín dụng của NHCSXH mà Ngân hàng Phát triển Châu Á gọi là nguồn tín dụng vi mô, điều đó khiến “tăng trưởng thị trường tín dụng vi mô bị cản trở” và họ lo ngại rằng số tiền mà Nhà nước, thông qua NHCSXH, đem đến cho người nghèo chỉ là “con cá”, thay vì mang đến cho họ “cái cần câu”.

Trong đánh giá năm 2013, Ngân hàng Phát triển Châu Á cho biết trong chương trình tín dụng vi mô, NHCSXH đã phục vụ được 7 triệu lượt khách hàng, với số dư nợ 5.350 triệu đô la, một thành tích vượt trội so với các ngân hàng cho vay tín dụng nhỏ khác. Tuy nhiên, NHCSXH vẫn phụ thuộc vào nguồn lực công và sẽ tạo ra gánh nặng về tài chính quốc gia.

Năm 2017, Ngân hàng Phát triển Châu Á đã đánh giá cao các thành tựu của NHCSXH nhờ phương pháp tiếp cận độc đáo của NHCSXH giúp xây dựng một hệ thống phân phối tín dụng vi mô rộng lớn nhất trên thế giới. Thành tựu này đạt được thông qua việc NHCSXH có: (1) Độ tiếp cận sâu rộng đến 6,9 triệu khách hàng (cuối năm 2015) nhờ sự kết hợp giữa: tập trung hướng tới nhóm đối tượng khách hàng vay chính sách kết hợp với việc cung cấp tín dụng “tại chỗ”; (2) Bao phủ trên 10.896 xã thông qua mạng lưới điểm giao dịch cấp xã, có nhân viên của NHCSXH đến giao dịch hàng tháng hoặc một tháng hai lần; (3) Chi phí cung cấp tín dụng thấp, việc thu nợ và xử lý nợ xấu của khách hàng được thực hiện thông qua: họp hàng tháng với khoảng 200.000 tổ tín dụng tiết kiệm; Sự hỗ trợ có trả phí cho các tổ chức CT-XH trong việc huy động khách hàng, thành lập nhóm cũng như hoạt động thu lãi.

NHCSXH đã tạo ra một hệ thống cung cấp tín dụng và thu nợ hiệu quả, làm giảm chi phí giao dịch cho khách hàng và bản thân ngân hàng đồng thời đạt được mức độ bao phủ ấn tượng đến tận cấp xã. Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ, ngân hàng đã phối hợp với Bộ LĐTĐ&XH, UBND địa phương và các tổ chức CT-XH từ trung ương đến địa phương. Các cuộc phỏng vấn với các bên liên quan chủ chốt trong một cuộc điều tra hạn chế gợi ý mạnh mẽ rằng việc lựa chọn khách hàng tương đối minh bạch và thoát đường như là ngoại lệ thay vì phổ biến. Trên nhiều phương diện, hoạt động của NHCSXH phản ánh “cách thức Việt Nam” độc đáo của việc theo đuổi một chính sách dành riêng, kiên định và cố kết từ cấp quốc gia đến cấp xã để đạt được các mục tiêu đề ra một cách nhất quán - một thành tựu mà nhiều nước trong khu vực khó cạnh tranh được.

3. Đánh giá của các tổ chức quốc tế khác

Năm 2018, trong khuôn khổ Hội thảo quốc tế “Thông lệ tốt nhất về tài chính nông nghiệp, nông thôn vì người nghèo - kinh nghiệm của Việt Nam”,

đoàn cán bộ cấp cao của Hiệp hội các tổ chức tín dụng châu Á - Thái Bình Dương (APRACA) đã cho rằng: thực hiện giao dịch tại Điểm giao dịch xã thông qua chính quyền địa phương, các tổ chức CT-XH và Tổ TK&VV là một nét đặc thù, riêng có của NHCSXH, rất đáng để các quốc gia trong Hiệp hội APRACA và các quốc gia có tỷ lệ hộ nghèo cao học hỏi, rút kinh nghiệm. Bên cạnh đó, việc công khai các chương trình tín dụng, dư nợ từng hộ vay, lãi suất các chương trình... thể hiện tính khách quan, minh bạch, dân chủ của hoạt động tín dụng chính sách tại Việt Nam. APRACA đánh giá cao mô hình quản lý của hệ thống NHCSXH “Đây là một mô hình quản lý riêng của hệ thống NHCSXH và của đất nước Việt Nam, phù hợp với thực tiễn hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các đối tượng được thụ hưởng trong việc vay vốn, trả nợ và nắm bắt kịp thời các thông tin về tín dụng chính sách, tiết giảm chi phí, thời gian đi lại khi giao dịch với NHCSXH, tạo được niềm tin của nhân dân”.

KẾT LUẬN

1. Sự ra đời của NHCSXH là dấu mốc son trong trang vàng phát triển của lịch sử Ngân hàng Việt Nam. Lần đầu tiên ở Việt Nam, Đảng và Chính phủ đã thiết lập được một kênh tín dụng Ngân hàng riêng để hỗ trợ tài chính cho các hộ nghèo, thực hiện chính sách tín dụng hợp lý, tạo điều kiện cho hộ nghèo không có vốn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, từng bước làm quen với nền sản xuất hàng hoá. NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, mà vì mục tiêu xóa đói giảm nghèo, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Đó là nét đặc biệt, rất đặc sắc và chỉ riêng có của Việt Nam.

Quá trình hoạt động từ Quỹ cho vay ưu đãi người nghèo đến NHNg giai đoạn 1995-2002 và NHCSXH giai đoạn 2002-2020 là quá trình liên tục tìm tòi, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm của thế giới vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Trải qua kinh nghiệm 25 hoạt động, NHCSXH đã khẳng định mô hình tín dụng XĐGN và mô hình tổ chức đặc thù theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định 131/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là hoàn toàn phù hợp với điều kiện của Việt Nam, có hiệu lực và hiệu quả cao; đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội tham gia vào thực hiện chương trình XĐGN và công tác an sinh xã hội. Việc ra đời NHCSXH đã tạo cơ hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận với tín dụng Nhà nước; đồng thời khẳng định chủ trương tập trung các nguồn vốn tín dụng có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước vào một đầu mối, tách tín dụng ưu đãi ra khỏi hệ thống NHTM là phù hợp với tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. NHCSXH đã xây dựng được đội ngũ cán bộ mang tính chuyên môn đặc thù. Thẩm nhuần tư tưởng, mục tiêu, với phương châm “*Thấu hiểu lòng dân, tận*

tâm phục vụ”, nên hoạt động nghiệp vụ NHCSXH không phải là quá khó, song đòi hỏi ở mỗi cán bộ NHCSXH phải chịu thương chịu khó, phải chấp nhận gian khổ, phải đi tới những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, thậm chí có khi còn cả hiểm nguy, trong khi đó thu nhập lại không cao. Chính vì vậy đòi hỏi mỗi cán bộ NHCSXH phải thật sự tâm huyết, bền bỉ, kiên nhẫn khi công tác tại NHCSXH.

3. Trong suốt 25 năm qua, tín dụng chính sách xã hội do NHCSXH thực hiện là một giải pháp sáng tạo, mang tính nhân văn sâu sắc và phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế- xã hội theo định hướng XHCN.

Kết quả hoạt động của NHCSXH ngày càng to lớn, thể hiện tín dụng chính sách xã hội đã và đang đi vào cuộc sống. Ngoài hiệu quả về kinh tế, những kết quả đạt được của NHCSXH còn góp phần vào việc ổn định chính trị, xã hội, tăng cường lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Hệ thống chính trị ngày càng được củng cố; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được tăng cường; góp phần quan trọng vào mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4. Những thành tựu đã đạt được của NHCSXH trong 25 năm qua là rất to lớn và có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại và thách thức cần được tiếp tục giải quyết, đó là: cơ cấu nguồn vốn của NHCSXH chưa thực sự hợp lý, thiếu tính ổn định, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, chất lượng tín dụng của một số khu vực, địa phương chưa đồng đều. Việc bố trí vốn trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước còn có khoảng cách lớn giữa nhu cầu vốn của các chương trình an sinh xã hội do Nhà nước giao cho NHCSXH thực hiện với thực tế vốn được bố trí trong kế hoạch hằng năm, gây bị động cho NHCSXH.

Mặc dù vậy, có thể khẳng định rằng, trong suốt 25 năm qua, NHCSXH đã tích cực, chủ động khắc phục khó khăn, đoàn kết, thống nhất, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Chính phủ giao phó, đóng góp tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình Xây dựng nông thôn mới, xây dựng được nền tảng vững chắc, tạo đà phát triển cho giai đoạn tiếp theo./.